

海外匯款指南

Hướng Dẫn Chuyển Tiền • Panduan Transfer Dana

適用於越南及印尼境外學生，辦理來臺學雜費海外匯款。

Dành cho sinh viên Việt Nam & Indonesia đến Đài Loan.

Untuk mahasiswa Vietnam & Indonesia ke Taiwan.



使用方式 請依第 1 頁帳戶資訊辦理匯款，再依第 2 頁填寫附言並完成通知。

01

銀行帳戶資訊

Thông Tin Tài Khoản Ngân Hàng • Informasi Rekening Bank

帳號

Số Tài Khoản • No.

Rekening

20042000022601

戶名

Tên Thụ Hưởng • Nama

Penerima

HUNGKUANG UNIVERSITY

SWIFT CODE

國際匯款識別碼

APBKTWTH

受款銀行

Ngân Hàng • Bank

Penerima

YUANTA COMMERCIAL BANK CO., LTD.

銀行地址

Địa Chỉ • Alamat Bank

**12F, NO. 157, SEC. 3, RENAI ROAD, TAIPEI CITY
106085, TAIWAN**

匯款前請先完成以下三項核對

01

確認帳號

核對帳號、戶名與受款銀行。

VN Kiểm tra số tài khoản, tên tài khoản và ngân hàng thụ hưởng.

ID Periksa nomor rekening, nama rekening, dan bank penerima.

02

確認 SWIFT

確認 SWIFT Code : APBKTWTH。

VN Kiểm tra SWIFT Code: APBKTWTH.

ID Periksa SWIFT Code: APBKTWTH.

03

核對金額

確認匯款金額、幣別與手續費。

VN Kiểm tra số tiền, loại tiền tệ và phí chuyển khoản.

ID Periksa jumlah, mata uang, dan biaya transfer.

匯款完成指南

Ghi Chú Thanh Toán • Catatan Pembayaran

02

附言欄填寫說明

Ghi Chú Thanh Toán • Catatan Pembayaran

匯款用途請填寫「弘光科技大學學雜費」，並填具學號。

TW 中文說明

匯款用途為弘光科技大學學雜費，請填具學號。例：U1157101

VN Tiếng Việt

Mục đích chuyển tiền là học phí tại Đại học Hungkuang, vui lòng điền mã số sinh viên. Ví dụ: U1157101

ID Bahasa Indonesia

Tujuan pengiriman uang adalah biaya kuliah di Universitas Hungkuang, harap isi nomor mahasiswa. Contoh: U1157101

重要匯款提醒 • Lưu ý quan trọng • Peringatan Penting

匯款請以全部金額到戶匯款；如產生匯差，入學後須補繳差額。

Vui lòng chuyển đủ toàn bộ số tiền để người nhận nhận đủ số tiền. Nếu phát sinh chênh lệch, sinh viên phải nộp bổ sung phần chênh lệch sau khi nhập học.

Harap melakukan transfer dengan jumlah penuh agar penerima menerima seluruh dana. Jika terjadi selisih, mahasiswa wajib melunasi kekurangannya setelah masuk kuliah.

完成匯款後請保留匯款收據，並依身分通知對應單位。

03

匯款步驟

Các Bước Chuyển Tiền • Langkah-Langkah Transfer

1

前往銀行 \ Đến Ngân Hàng • Kunjungi Bank
臨櫃或使用網路／行動銀行辦理。

VN Giao dịch tại quầy hoặc dùng ngân hàng trực tuyến/di động.
ID Transaksi di loket atau gunakan internet/mobile banking.

3

輸入金額 \ Nhập Số Tiền • Masukkan Jumlah
輸入足額，確認幣別與手續費。

VN Nhập đủ tiền, kiểm tra tiền tệ và phí.
ID Masukkan jumlah penuh, cek mata uang dan biaya.

5

確認完成並通知 \ Xác Nhận • Konfirmasi
保留收據並通知對應單位。

VN Giữ biên lai và thông báo đơn vị phụ trách.
ID Simpan bukti dan lapor ke unit terkait.

2

填寫匯款資料 \ Điền Thông Tin • Isi Formulir
依第 1 頁資料填寫申請表與受款人。

VN Theo thông tin trang 1, điền đơn và người thụ hưởng.
ID Sesuai informasi halaman 1, isi formulir dan data penerima.

4

填寫附言 \ Ghi Chú • Isi Keterangan
附言欄填寫學號：U1157101。

VN Ghi mã số sinh viên: U1157101.
ID Tulis nomor mahasiswa: U1157101.

04

繳費完成後請提供

After payment, please submit the following information

完成匯款並保留收據後，請填寫表單、上傳正式匯款證明，並完成學生聲明。

After payment, please submit the form and official remittance proof.

開啟繳費回報表單 →



A

學生基本資料 Student Basic Information

身分別、學號、中文姓名、英文姓名、國籍／地區、Email。

VN Thông tin chương trình, mã số sinh viên, họ tên Hoa/Anh, quốc tịch/khu vực, email.

ID Program, nomor mahasiswa, nama, negara/wilayah, email.

B

本次繳費資料 Payment Information

繳費項目、應繳金額 (NT\$)、實際匯款金額、匯款幣別、匯款日期。

VN Hạng mục, số tiền phải nộp, số tiền chuyển thực tế, tiền tệ và ngày chuyển.

ID Item pembayaran, jumlah wajib bayar, jumlah transfer, mata uang dan tanggal transfer.

C

匯款單據上傳 Upload Remittance Slip

上傳銀行正式匯款證明；可為境外匯款單、電匯單或其他可證明匯款來源文件。

VN Tải lên giấy xác nhận chuyển tiền chính thức hoặc tài liệu chứng minh nguồn tiền.

ID Unggah bukti transfer resmi atau dokumen lain yang membuktikan sumber dana.

D

學生聲明 Student Declaration

確認資料與證明屬實；如需補件，請依通知配合查核。手續費與匯差依學校規定辦理。

VN Xác nhận thông tin và chứng từ là đúng; bổ sung hồ sơ khi được yêu cầu. Phí và chênh lệch tỷ giá theo quy định của trường.

ID Konfirmasi data; lengkapi dokumen bila diminta. Biaya/kurs mengikuti aturan universitas.